

Số: 724 /BC-KTNS

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giám sát công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2022

Thực hiện Chương trình giám sát sáu tháng cuối năm 2022, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh đã tiến hành giám sát công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2022; trên cơ sở xem xét báo cáo của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; giám sát trực tiếp đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện: Thọ Xuân, Đông Sơn, Quảng Xương và thị xã Bim Sơn; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh kết quả giám sát như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật

Trong giai đoạn 2018 - 2022, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh, như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, các Nghị định, Quyết định và các văn bản pháp luật có liên quan. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện như: Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Công văn số 200-CV/TU ngày 22/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về các cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh; quyết định chủ trương đầu tư các dự án xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh¹. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa, Phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; ban hành đơn giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước²; Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 93 văn bản; UBND các huyện, thị xã, thành phố đã

¹ Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2021; Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc ban hành chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020 - 2025

² Kế hoạch số 144/KT-UBND ngày 06/8/2018 về thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 phê duyệt Phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;...

ban hành nhiều văn bản về thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH đã được các sở, ngành, địa phương quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Việc thực hiện quy hoạch quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh

Giai đoạn 2018 - 2022, quy hoạch xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 phê duyệt Phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 31 khu xử lý chất thải rắn, gồm 03 khu xử lý liên huyện (xã Đông Nam, huyện Đông Sơn; xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn; phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn) và 28 khu xử lý tại các huyện (khu vực đồng bằng 07 khu, ven biển 05 khu và miền núi 16 khu).

Đến nay, đã triển khai đầu tư 17 khu xử lý, gồm: 02 khu xử lý liên huyện (*xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn - đã đi vào hoạt động*); *xã Đông Nam, huyện Đông Sơn - đã tiếp nhận rác thải và đang thi công xây dựng nhà máy xử lý rác*); 14 khu xử lý ở các huyện được đầu tư từ trước năm 2018³; 01 khu xử lý được đầu tư mới và đã đi vào hoạt động (xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc).

2.2. Về định mức kinh tế - kỹ thuật; giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật

Căn cứ các hướng dẫn của Bộ Xây dựng⁴, trong giai đoạn 2018 - 2022, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho việc lập dự toán công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 về việc công bố đơn giá xây dựng công trình - phần dịch vụ công ích đô thị, đơn giá được xây dựng trên cơ sở định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị; Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 01/11/2011).

³ Xã Nga Văn, huyện Nga Sơn; thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương; thị trấn Nông Công, huyện Nông Công; thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân; xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành; thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh; xã Xuân Bình, huyện Như Xuân; thị trấn Phong Châu, huyện Cẩm Thủy; thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát; thị trấn Quan Sơn, thị trấn Na Mèo, huyện Quan Sơn; xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa; xã Ban Công, huyện Bá Thước; xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh

⁴ Các văn bản của Bộ Xây dựng: Công văn số 2272/BXD-VP ngày 10/11/2008 về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị; Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 về công bố Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị; Quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 29/12/2017 về công bố suất vốn đầu tư xây dựng và mức chi phí xử lý CTRSH.

b) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019, đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh áp dụng theo Quyết định số 3355/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh ban hành đơn giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Từ ngày 01/01/2020 đến nay, áp dụng đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh ban hành đơn giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Việc tổ chức thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh, phần lớn UBND cấp huyện giao cho cơ quan chuyên môn xây dựng dự toán giá dịch vụ, trình UBND cấp huyện phê duyệt (các đơn vị được giao xây dựng đơn giá dịch vụ có địa phương giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch, có địa phương giao cho Đội quy tắc đô thị, có địa phương lại giao cho UBND cấp xã căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 để thực hiện)⁵.

2.3. Việc bố trí kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH

a) Kinh phí thu gom, vận chuyển CTRSH

Kinh phí thu gom, vận chuyển CTRSH từ nguồn thu của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nộp theo đơn giá dịch vụ ban hành theo Quyết định số 3355/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh. Tỷ lệ các hộ gia đình trả tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải chưa đồng đều ở các huyện; một bộ phận người dân, tổ chức, đơn vị không nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, nhất là khu vực nông thôn, miền núi.

b) Kinh phí xử lý CTRSH

Kinh phí này do ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh (thực hiện từ năm 2017 đến năm 2019) và Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020 - 2025 (thực hiện từ năm 2020 đến nay). Trong đó, phần ngân sách tỉnh đã hỗ trợ trong giai đoạn 2018 - 2022 là 132.778 triệu đồng cho thị xã Nghi Sơn và các huyện: Yên Định, Như Thanh, Nông Cống, Quảng Xương, Vĩnh Lộc và Quan Sơn. Các địa phương cũng đã bố trí ngân sách của cấp mình cho xử lý CTRSH theo hình thức đối ứng với ngân sách tỉnh hoặc chi 100% từ ngân sách cấp huyện.

⁵ thành phố Thanh Hóa đã giao Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố phối hợp với các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn xây dựng dự toán phương án thu giá dịch vụ, trình UBND thành phố phê duyệt; thị xã Bim Sơn giao cho Phòng Tài chính Kế hoạch phối hợp với các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn xây dựng dự toán phương án thu giá dịch vụ, trình UBND thị xã phê duyệt; huyện Thọ Xuân yêu cầu UBND các xã, thị trấn tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 và chính sách hỗ trợ xử lý rác thải theo Nghị quyết 236/NQ-HĐND ngày 12/12/2019;.....

2.4. Việc phân loại rác tại nguồn

Trong giai đoạn 2020 - 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hướng dẫn công tác thu gom, phân loại và xử lý tại nguồn CTRSH và triển khai xây dựng các mô hình, tập huấn phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn một số huyện⁶, triển khai mô hình phân loại bằng cách cấp phát cho mỗi hộ gia đình 02 thùng chứa rác, 01 thùng chứa rác khó phân hủy và 01 thùng chứa rác hữu cơ để phân hủy; hướng dẫn các địa phương sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý CTRSH thành phân bón hữu cơ...

2.5. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

a) Việc thu gom, vận chuyển CTRSH

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 33 Công ty, 24 Hợp tác xã, 91 Tổ dịch vụ thu gom và 03 hộ gia đình nhận khoán tham gia công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

Các phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải tương đối đa dạng, từ thủ công, thô sơ đến cơ giới; trong đó: Phương tiện thu gom rác có 2.592 phương tiện (2.120 xe đẩy tay, 360 xe gom rác cải tiến, 10 xe trâu bò, 81 xe rùa, 18 xe lôi, 03 xe ba gác); phương tiện vận chuyển rác có 358 phương tiện (64 xe ép rác, 77 ô tô tải, 104 công nông, 30 xe tự chế, 58 xe ba bánh, 5 xe kéo, 20 xe thùng).

Về lượng rác thải phát sinh: Theo số liệu thống kê 6 tháng đầu năm 2022, lượng CTRSH phát sinh hằng ngày trên địa bàn tỉnh ước khoảng 2.774 tấn/ngày đêm, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó, gần 3/4 lượng rác thải phát sinh thuộc khu vực nông thôn (gần 2.000 tấn/ngày đêm).

Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải hiện nay ước đạt 88,5%; trong đó: Tại khu vực các huyện đồng bằng 95,1%; khu vực các huyện ven biển 92,4%; khu vực các huyện miền núi 74%. Có 06 địa phương có tỷ lệ xử lý rác thải đạt từ 95% trở lên⁷; 08 địa phương có tỷ lệ xử lý rác thải đạt từ 90 - 95%⁸; 10 địa phương đã xử lý rác thải sinh hoạt đạt từ 70 - 90%⁹; 03 huyện tỷ lệ thu gom, xử lý đạt dưới 70%¹⁰; riêng huyện Mường Lát mới đạt 45,1%.

CTRSH chưa được thu gom, vận chuyển chủ yếu tập trung ở vùng sâu, vùng xa và những khu vực chưa có đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom rác thải, người dân tự xử lý trong khuôn viên gia đình bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp. Tuy nhiên, ở một số địa phương vẫn còn tình trạng một số rác thải chưa được thu gom, đổ ra ven đường giao thông, bờ sông, bờ mương; các loại chai, lọ, bao, bì đựng thuốc bảo vệ thực vật là rác thải nguy hại vẫn còn không ít trường hợp để lẫn với rác thải thông thường hoặc phát tán ra môi trường.

⁶ các huyện: Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hoằng Hóa, Yên Định, Quảng Xương, Nga Sơn, Thọ Xuân, Thường Xuân.

⁷ thành phố Thanh Hóa, thị xã Bim Sơn; các huyện: Thọ Xuân, Đông Sơn, Vĩnh Lộc, Hoằng Hóa.

⁸ thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn, các huyện: Nông Cống, Triệu Sơn, Yên Định, Quảng Xương, Nga Sơn, Như Thanh.

⁹ các huyện: Hà Trung, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Như Xuân, Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn.

¹⁰ các huyện: Bá Thước, Cẩm Thủy, Mường Lát.

c) Việc xử lý CTRSH

Hiện nay, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh được thực hiện bằng công nghệ đốt, chôn lấp và một phần nhỏ được tái chế (chế biến phân bón, tái chế phế liệu); trong đó, 06 tháng đầu năm 2022, tỷ lệ CTRSH được xử lý bằng phương pháp đốt chiếm 27,7%, chôn lấp chiếm 70%, tái chế chiếm 2,3%.

Kết quả cụ thể đến 30/6/2022 như sau: Có 04 địa phương áp dụng cả công nghệ đốt, chôn lấp và tái chế (Nông Cống, Vĩnh Lộc, Hoàng Hóa, Thường Xuân); tỷ lệ tái chế bằng phương pháp ủ men vi sinh ở huyện Thường Xuân chiếm 55%. Có 12 địa phương xử lý bằng công nghệ đốt và chôn lấp (Hậu Lộc, Thọ Xuân, Nông Cống, Như Thanh, Thạch Thành, Thường Xuân, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định, và thị xã Nghi Sơn); trong đó có 07 địa phương xử lý rác bằng công nghệ đốt với tỷ lệ trên 50% (Yên Định, Vĩnh Lộc, Quảng Xương, Hậu Lộc, Nga Sơn, Nghi Sơn và Như Thanh), trong đó thị xã Nghi Sơn có tỷ lệ xử lý rác bằng công nghệ đốt cao nhất (92%). Có 10 địa phương xử lý CTRSH hoàn toàn bằng chôn lấp (thành phố Thanh Hóa, Sầm Sơn, Bim Sơn, Đông Sơn, Hà Trung, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hóa, Quan Sơn).

c) Tình hình hoạt động của các khu chôn lấp và các lò đốt CTRSH

- Các khu chôn lấp CTRSH

Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, hiện nay có 17 bãi chôn lấp CTRSH đang hoạt động. Một số bãi chôn lấp CTRSH xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, có thời điểm ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân khu vực xung quanh, như: Bãi rác xã Đông Nam, huyện Đông Sơn; bãi rác phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn; bãi rác phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn; bãi rác xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân... Hàng ngày, lượng CTRSH tập kết về các bãi rác này rất lớn, vượt quá sức chứa đã được xây dựng (tại bãi rác xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, lượng CTRSH chuyển đến khoảng 400 tấn/ngày đêm; 04 ô chôn lấp đã đầy, cao hơn so với thiết kế từ 14 - 16 m, lộ thiên chỉ được phủ bạt, không được chôn lấp hợp vệ sinh; ô chứa rác số 5 mới xây dựng nhưng cũng đã quá tải).

Một số bãi chôn lấp CTRSH gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đóng cửa để chuyển sang xử lý bằng công nghệ đốt như: Bãi chôn lấp rác thải của Công ty CP Môi trường Nghi Sơn; bãi chôn lấp rác thải tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc; bãi chôn lấp rác thải thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.

- Các lò đốt CTRSH

Trên địa bàn tỉnh hiện có 26 lò đốt CTRSH đầu tư tại 13 huyện, thị xã; các địa phương có nhiều lò đốt là Yên Định (4 lò), Hoàng Hóa (3 lò), Thọ Xuân (3 lò). Trong số 26 lò đốt, có 09 lò đốt bằng hình thức xã hội hóa, với công suất xử lý khoảng 642 tấn/ngày đêm, trong đó có 03 lò có công suất từ 100 tấn/ngày đêm trở lên (Lò đốt tại thị trấn Quán Lào, Yên Định; tại Vĩnh Hòa, Vĩnh Lộc; tại Trường Lâm, Nghi Sơn). Có 17 lò đốt CTRSH được đầu tư từ ngân sách nhà nước, với công suất xử lý khoảng 268 tấn/ngày đêm; trong đó có 11 lò có công

suất nhỏ (10 tấn/ngày đêm); lò có công suất lớn nhất (50 tấn/ngày đêm) tại Hoàng Trường, Hoàng Hóa hiện nay đã quá tải và gây ô nhiễm môi trường; lò đốt rác tại xã Hòa Lộc, Hậu Lộc gây ô nhiễm môi trường và đã dừng hoạt động; lò đốt rác tại xã Xuân Bình, Như Xuân đã dừng hoạt động do không có kinh phí sửa chữa và vận hành. Các lò đốt CTRSH quá tải, xuống cấp đã gây nên tình trạng tồn đọng rác thải, nước rỉ rác, hệ thống xử lý bụi, khí thải, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

Tiến độ đầu tư một số dự án xử lý rác thải trọng điểm trên địa bàn tỉnh rất chậm (Dự án xử lý rác thải tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn được chấp thuận chủ trương đầu tư từ ngày 05/10/2016 đến nay vẫn chưa hoàn thành đầu tư; Dự án xử lý rác thải tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn triển khai từ năm 2003, qua nhiều lần điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện dự án, đến nay vẫn chưa triển khai xây dựng).

Theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, có 02 lò đốt rác¹¹ phải dừng năm 2022; 09 lò đốt rác công suất nhỏ phải dừng từ năm 2025 và 11 khu xử lý CTRSH phải dừng hoạt động do chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường (*có 05 bãi chôn lấp rác thải phải dừng hoạt động từ năm 2020¹², 02 bãi phải dừng từ năm 2021, 02 bãi phải dừng từ năm 2022, 01 bãi phải dừng từ năm 2023, 01 bãi phải dừng từ năm 2025*) nhưng đến nay vẫn đang hoạt động.

d). Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được lồng ghép trong chương trình thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hằng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường, qua công tác giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri của các huyện, thị xã, thành phố hoặc phản ánh của các cơ quan báo chí, đồng thời thực hiện phân cấp quản lý theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 174/QĐ-BTNMT ngày 24/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường.

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp với các sở, ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn.

đ) Công tác quan trắc môi trường và xử lý ô nhiễm

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 22/01/2021; Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ

¹¹ Lò đốt rác thải tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành; Lò đốt rác thải tại xã Tân Dân thị xã Nghi Sơn.

¹² Bãi chôn lấp rác thải tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn; Bãi chôn lấp rác thải tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn; Bãi chôn lấp chất thải rắn phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn; Bãi chôn lấp chất thải thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa; Bãi chôn lấp chất thải rắn thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.

môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường của UBND tỉnh; qua đó, kịp thời phản ánh hiện trạng chất lượng môi trường, đánh giá, dự báo xu hướng biến đổi chất lượng môi trường trong thời gian tới, làm cơ sở cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái môi trường.

II. HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, tồn tại

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và việc phân loại, thu gom, xử lý CTRSH nói riêng ở một số địa phương chưa được thực hiện thường xuyên, hiệu quả chưa cao nên một bộ phận người dân chưa chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, còn vứt rác bừa bãi, không nộp phí thu gom, vận chuyển rác.

- Việc thực hiện phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh đến nay nhiều nội dung chưa được thực hiện hoặc tiến độ thực hiện rất chậm, nhất là việc đầu tư xây dựng các dự án xử lý chất thải rắn; đóng cửa, dừng hoạt động đối với các bãi chôn lấp, lò đốt rác không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, gây ô nhiễm môi trường. Nhiều bãi chôn lấp rác xây dựng theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới có diện tích nhỏ, gần khu dân cư; một số lò đốt rác không phù hợp với quy hoạch đô thị¹³. Nhiều điểm tập kết, trung chuyển rác chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chưa có khu vực lưu trữ riêng, chưa được đưa vào quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Việc phân loại tại nguồn CTRSH cơ bản chưa được thực hiện; một số mô hình phân loại CTRSH tại nguồn nhưng khi tổ chức thu gom, vận chuyển lại không tách riêng từng loại nên việc phân loại tại nguồn không có tác dụng. Một số loại rác thải nguy hại đang được thu gom lẫn với rác thải sinh hoạt, không được xử lý theo đúng quy định, chỉ chôn lấp như rác thải thông thường.

- Khối lượng CTRSH phát sinh nhiều, năm sau cao hơn năm trước; việc thống kê khối lượng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý tại một số địa phương chưa chính xác. Tỷ lệ CTRSH được thu gom, vận chuyển, xử lý tại một số huyện miền núi còn thấp, nhiều xã chưa tổ chức thu gom CTRSH¹⁴, nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa chưa có đơn vị thu gom rác, đổ rác; vẫn còn tình trạng rác thải chưa được thu gom, đổ thải chưa đúng quy định ra ven đường giao thông, bờ kênh, bờ mương, bờ sông. Một số nơi phương tiện thu gom, vận chuyển rác còn ít, thô sơ, chưa có xe chuyên dụng; không thực hiện đúng quy định trong khi vận chuyển nên nước rỉ rác, rác rơi vãi làm ô nhiễm môi trường.

- Việc xử lý CTRSH còn nhiều bất cập:

¹³ Lò đốt rác thải sinh hoạt tại thị trấn Bút Sơn; Lò đốt tại xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương; Lò đốt rác thải tại thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định...

¹⁴ Huyện Như Thanh còn 03 xã chưa hỗ trợ kinh phí của tỉnh để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tập trung (Xuân Thái, Thanh Tân, Thanh Kỳ).

Tỷ lệ CTRSH xử lý bằng công nghệ chôn lấp còn cao; xử lý rác bằng công nghệ hỗn hợp, tái chế rác còn rất thấp.

Nhiều bãi rác CTRSH quá tải, ô nhiễm môi trường, mới thực hiện được nhiệm vụ chứa rác, chưa được chôn lấp, xử lý hợp vệ sinh theo quy định.

Các lò đốt rác được đầu tư từ ngân sách nhà nước công suất nhỏ, hoạt động không hiệu quả (có lò đốt chỉ hoạt động 03 ngày rồi đóng cửa). Tiến độ thực hiện đầu tư các nhà máy xử lý rác rất chậm. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư các dự án xử lý rác thải còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc bố trí kinh phí hàng năm cho xử lý CTRSH còn hạn chế; ngoài phần ngân sách tỉnh hỗ trợ, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải tự cân đối từ nguồn sự nghiệp môi trường và huy động từ các nguồn hợp pháp để thực hiện, nhưng một số địa phương chưa tự cân đối được nên ảnh hưởng đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn.

Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 07/7/2019 của UBND tỉnh chưa thực sự hợp lý giữa các địa bàn, nhất là tại địa bàn miền núi, nông thôn có địa bàn rộng, mật độ dân cư thấp, khoảng cách thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý xa, số tiền thu được không đủ bù đắp chi phí.

Việc thực hiện Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020 - 2025 chưa thu hút được nhiều dự án xử lý CTRSH; các huyện có nguồn thu ít, khó khăn khi bố trí vốn đối ứng theo quy định.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Các Bộ chuyên ngành chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện nên khó triển khai thực hiện, như: Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định tại Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư dự án xử lý chất thải theo quy định của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Do vướng mắc về trình tự thủ tục đầu tư nên chưa chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án mới, UBND các huyện chưa tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

- Nhiều điểm dân cư có địa hình phức tạp, dân cư không tập trung nên khó thu gom, vận chuyển rác thải. Các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển hoạt động không hiệu quả do nguồn thu thấp.

- Hoạt động đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH có tính chất đặc thù, hiệu quả đầu tư thấp, rủi ro cao nên chưa thu hút được các nhà đầu tư quan tâm, trong khi đó, các cơ chế chính sách hỗ trợ của tỉnh cũng chưa thực sự hấp dẫn nhà đầu tư.

- Nhận thức của người dân về công tác bảo vệ môi trường và thu gom, xử lý CTRSH tuy đã được nâng lên, nhưng trách nhiệm trong việc phân loại, thu gom, xử lý CTRSH chưa cao, một bộ phận người dân vẫn còn thói quen vứt rác tùy tiện không đúng nơi quy định, không nộp phí thu gom, vận chuyển rác.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn; nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường bố trí cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực hiện nhiệm vụ của các địa phương, đơn vị.

- Ngân sách tỉnh hàng năm bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu; một số huyện, thị xã, thành phố không bố trí đủ kinh phí đối ứng nên ảnh hưởng đến việc xử lý CTRSH.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở có liên quan chưa làm tốt việc tham mưu cho UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện phương án xử lý chất thải rắn, nhất là CTRSH trên địa bàn tỉnh; chưa có giải pháp để đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xử lý rác thải, có dự án kéo dài đã 19 năm nhưng đến nay vẫn chưa xây dựng nhà máy (Nhà máy xử lý rác thải tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn triển khai từ năm 2003).

Sở Tài nguyên và Môi trường chưa làm tốt công tác tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xây dựng định hướng tổng thể quản lý CTRSH từ nguồn phát sinh; thanh tra, xử lý vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

- Một số nhà đầu tư năng lực kỹ thuật, tài chính, kinh nghiệm hạn chế, tiến độ triển khai thực hiện dự án rất chậm, kéo dài, phải gia hạn hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư nhiều lần.

III. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn:

- Quy định trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xử lý chất thải đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật; hướng dẫn chi tiết các nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định của Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để các địa phương có cơ sở thực hiện;

- Ban hành quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; trong đó, cần hướng dẫn cụ thể quy trình phân loại CTRSH và quy trình xử lý CTRSH theo các biện pháp công nghệ đang áp dụng hiện nay (chôn lấp, đốt, sản xuất phân hữu cơ, phát điện...); ban hành danh mục công nghệ xử lý CTRSH để các địa phương áp dụng cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội;

- Rà soát, hoàn thiện quy định, hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích các hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn, đặc biệt là việc đồng xử lý CTRSH trong lò nung xi măng, hỗ trợ dự án xã hội hóa thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH về đối tượng, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí;

- Hỗ trợ đầu tư cho các dự án xử lý, cải tạo phục hồi môi trường các bãi rác không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với HĐND tỉnh

- Tăng mức chi sự nghiệp môi trường cho các huyện, thị xã, thành phố; xem xét tăng mức hỗ trợ kinh phí xử lý CTRSH cho các huyện, thị xã, thành phố, đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch quản lý chất thải rắn, đồng thời xem xét điều chỉnh kế hoạch xây dựng, cải tạo, nâng cấp các bãi rác, các lò đốt rác cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư dự án xử lý CTRSH khẩn trương đầu tư xây dựng nhà máy, sớm đưa vào hoạt động đúng theo tiến độ được phê duyệt; nhất là các dự án trọng điểm (Khu xử lý chất thải rắn xã Đông Nam, huyện Đông Sơn; Khu xử lý chất thải rắn phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn; Khu xử lý chất thải rắn xã Quảng Minh, thành phố Sầm Sơn); đóng cửa, dừng hoạt động đối với các bãi chôn lấp, lò đốt rác không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, gây ô nhiễm môi trường.

- Xem xét điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, bổ sung chi phí quản lý các bãi rác theo hướng tính đủ chi phí, bảo đảm nguồn thu cho hoạt động của các đơn vị thu gom vận chuyển. Ban hành giá dịch vụ thu gom, xử lý nước thải đối với các đô thị, khu dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Đẩy nhanh việc xã hội hóa lĩnh vực thu gom, vận chuyển xử lý rác thải; ban hành quy định cụ thể và lựa chọn mô hình thu gom, vận chuyển có hiệu quả để nhân rộng.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng và UBND cấp huyện, cấp xã tăng cường phối hợp trong quá trình quản lý CTRSH; tăng cường chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật.

4. Đối với các sở, ngành

4.1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường công tác tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện nội dung quản lý CTRSH trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, phổ biến các văn bản QPPL về bảo vệ môi trường; hướng dẫn nghiệp vụ, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho

cấp huyện; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai các nội dung về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng quy định và tổ chức thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn nhằm giảm thiểu lượng CTRSH phải xử lý; đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo đơn vị cung cấp dịch vụ khẩn trương xây dựng phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, vận hành khu xử lý chất thải, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Hướng dẫn, kiểm tra việc đóng bãi chôn lấp CTRSH sau khi kết thúc hoạt động, tái sử dụng bãi chôn lấp CTRSH; xây dựng phương án xử lý các bãi chứa rác thải tồn lưu, bãi rác gây ô nhiễm môi trường. Phối hợp với các địa phương, tham mưu cho tỉnh phương xử lý dứt điểm các điểm xử lý rác sai quy trình, các địa điểm tập kết, chôn lấp quy hoạch chưa hợp lý, chưa đảm bảo khoảng cách đến các khu dân cư; có phương án xử lý các khu xử lý rác bị quá tải, gây ô nhiễm môi trường.

4.2. Đối với Sở Xây dựng

- Chủ trì hướng dẫn các địa phương điều chỉnh các quy hoạch liên quan cho phù hợp với phương án xử lý chất thải rắn của tỉnh; hướng dẫn thủ tục đầu tư xây dựng khu xử lý, điểm tập kết CTRSH.

- Tổ chức thẩm định quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng khu xử lý, điểm tập kết CTRSH theo thẩm quyền.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, công bố định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá về thu gom, vận chuyển và phê duyệt phương án giá xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.

4.3. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý CTRSH theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác.

- Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư. Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xử lý CTRSH theo quy định; nhất là các dự án đã có nhà đầu tư quan tâm, gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương thực hiện dự án đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn trên địa bàn các huyện: Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Nông Cống, Hậu Lộc, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thường Xuân.

4.4. Đối với Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định. Hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong công tác thu, chi, quản lý nguồn kinh phí thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc sử dụng, quyết toán kinh phí theo quy định.

5. Đối với cấp huyện, cấp xã

- HĐND cấp huyện, cấp xã tăng cường giám sát công tác bảo vệ môi trường nói chung, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH nói riêng trên địa bàn cấp huyện, xã. Bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- UBND cấp huyện, cấp xã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục người dân về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; xây dựng và nhân rộng các mô hình hiệu quả về bảo vệ môi trường; làm tốt công tác phân loại rác tại nguồn; nâng cao tỷ lệ tái chế CTRSH tại các địa phương; vận động người dân đóng đầy đủ phí thu gom, vận chuyển rác, đồng tình thực hiện dự án nhà máy xử lý CTRSH trên địa bàn.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường.

Trên đây là kết quả giám sát công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018 - 2022, Ban Kinh tế - Ngân sách kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường,
Xây dựng, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Lê Quang Hùng

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CTRSH ĐANG HOẠT ĐỘNG
(Kèm theo Báo cáo số 724/BC-KTNS ngày 08 tháng 12 năm 2022
của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Danh mục công trình	Đơn vị quản lý, vận hành	Công suất xử lý (tấn/ngày đêm)
A	Các dự án bãi chôn lấp chất thải rắn		
1	Khu liên hợp xử lý CTRSH TP Thanh Hóa và vùng phụ cận tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	Công ty CP môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa	450
2	Bãi chôn lấp CTRSH phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn	Công ty CP môi trường và công trình đô thị Bỉm Sơn	71
3	Khu chứa và xử lý CTRSH xã Hà Đông, huyện Hà Trung	Công ty xử lý môi trường và công trình đô thị Hà Trung	30
4	Bãi chôn lấp CTRSH xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân	Công ty nông nghiệp môi trường Xuân Phú	25
5	Bãi chôn lấp rác và xử lý CTRSH thị trấn và vùng phụ cận huyện Nông Cống	Công ty CP giao thông công chính Nông Cống	45
6	Bãi chôn lấp CTRSH hợp vệ sinh thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa	HTX dịch vụ nông nghiệp và môi trường Hoằng Hóa	4,3
7	Bãi chôn lấp CTRSH thành phố Sầm Sơn tại phường Trung Sơn, TP Sầm Sơn	Công ty CP môi trường và dịch vụ du lịch Sầm Sơn	90
8	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Mường Lát	UBND thị trấn Mường Lát	15
9	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	UBND thị trấn Quan Hóa	5
10	Bãi chôn lấp CTRSH khu đô thị cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, huyện Quan Sơn	Ban Quản lý Bản Na Mèo	5
11	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn	UBND thị trấn Quan Sơn	15
12	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước	UBND thị trấn Cành Nàng	30
13	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Lang Chánh	UBND thị trấn Lang Chánh	20
14	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy	UBND thị trấn Phong Sơn	20
15	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Thường Xuân và đô thị cửa Đạt, huyện Thường Xuân.	UBND thị trấn Thường Xuân	17
16	Bãi chôn lấp CTRSH thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân	UBND thị trấn Yên Cát	7

STT	Danh mục công trình	Đơn vị quản lý, vận hành	Công suất xử lý (tấn/ngày đêm)
17	Bãi chôn lấp CTRSH sinh hoạt hợp vệ sinh cho thị trấn Ngọc Lặc và vùng phụ cận	UBND thị trấn Ngọc Lặc	13,5
B	Các dự án lò đốt CTRSH		
I	Nguồn xã hội hóa		
1	Lò đốt tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa	Công ty TNHH Ecotech Thanh Hóa	50
2	Lò đốt tại xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa	Công ty CP Dịch vụ môi trường Nông thôn mới Thanh Hóa	12
3	Lò đốt tại xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn (nay là xã Nga Phương)	Công ty TNHH Vệ sinh môi trường Nga Sơn	40
4	Lò đốt tại xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ môi trường Xanh Hoàng Hải Hà	75
5	Lò đốt tại thị trấn huyện Nông Cống	Công ty xây dựng và quản lý giao thông công chính Nông Cống	75
6	Lò đốt tại thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	Công ty CP xây dựng Xanh - Sạch - Đẹp Thành Tâm	100
7	Lò đốt tại thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	Công ty CP xây dựng Xanh - Sạch - Đẹp Thành Tâm	70
8	Lò đốt tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc	Công ty CP Sản xuất và Thương mại BIMIVINA	100
9	Lò đốt tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn	Công ty CP Môi trường Nghi Sơn	120
II	Nguồn ngân sách nhà nước		
10	Lò đốt tại xã Định Công, huyện Yên Định	UBND xã Định Công	10
11	Lò đốt tại xã Yên Lạc, huyện Yên Định	UBND xã Yên Lạc	10
12	Lò đốt tại xã Yên Phong, huyện Yên Định	UBND xã Yên Phong	10
13	Lò đốt tại xã Định Bình, huyện Yên Định	UBND xã Định Bình	10
14	Lò đốt tại xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc	Đội thu gom rác thải xã Đại Lộc	10
15	Lò đốt tại xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc	HTX Nông nghiệp Phú Lộc	10
16	Lò đốt tại xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc	Đội thu gom rác thải xã Hoa Lộc	10
17	Lò đốt tại xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa	CT TNHH đầu tư xây dựng CN HTH	50
18	Lò đốt tại xã Nga Phương, huyện Nga Sơn	UBND huyện giao Công ty	40

STT	Danh mục công trình	Đơn vị quản lý, vận hành	Công suất xử lý (tấn/ngày đêm)
		TNHH Vệ sinh môi trường Nga Sơn vận hành	
19	Lò đốt tại xã Tân Dân, TX Nghi Sơn	UBND xã Tân Dân	10
20	Lò đốt tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương	UBND xã Quảng Bình	13
21	Lò đốt tại xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân	Công ty CP vệ sinh môi trường Lam Sơn	10
22	Lò đốt tại xã Xuân Thành, Thọ Xuân	UBND xã Xuân Thành	20
23	Lò đốt tại xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân	Công ty TNHH 68	10
24	Lò đốt tại xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân	Công ty VSMT và nông nghiệp Bốn Thắng	10
25	Lò đốt tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành	Công ty CP giao thông công chính Thạch Thành	20
26	Lò đốt tại xã Xuân Bình, huyện Như Xuân	UBND xã Xuân Bình	15

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THU GOM, XỬ LÝ CTRSH NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số **724** /BC-KTNS ngày **08** tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Khối lượng chất thải rắn phát sinh (tấn)	Khối lượng thu gom, xử lý (tấn)	Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Xử lý bằng công nghệ đốt		Xử lý bằng công nghệ chôn lấp		Tái chế	
					Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)
1	TP Thanh Hóa	142.350	138.335	97,2	0	0	138.335	100	0	0
2	Bỉm Sơn	21.900	21.535	98,3	0	0	21.535	100	0	0
3	Thọ Xuân	41.610	40.624,5	97,6	2.518,7	6,2	38.105,8	93,8	0	0
4	Đông Sơn	22.630	22.177,4	98	0	0	22.177,4	100	0	0
5	Nông Cống	36.500	33.580	92	11.753	35	21.827	75	0	0
6	Triệu Sơn	47.450	45.077,5	95	15.777,1	35	29.300,4	75	0	0
7	Hà Trung	30.514	26.280	86,1	0	0	26.280	100	0	0
8	Yên Định	31.915,6	28.984,7	90,8	18.918,3	65,3	10.063,5	34,7	0	0
9	Thiệu Hóa	35.405	31.156,4	88	10.904,7	35	20.251,7	65	0	0
10	Vĩnh Lộc	13.582	13.333,4	98,2	10.676,1	80,1	1.333,3	10	1.324	9,9
16	TP Sầm Sơn	46.720	43.683,2	93,5	0	0	43.683,2	100	0	0
11	Nghi Sơn	57.000	53.010	93	48.504,2	91,5	4.505,9	8,5	0	0
12	Quảng Xương	43.800	39.858	91	5.840	14,7	34.018	85,3	0	0
13	Hoàng Hóa	34.565,5	33.874,2	98	10.162,3	30	23.711,9	70	0	0
14	Hậu Lộc	37.887	32.658,6	86,2	26.126,9	80	6.531,7	20	0	0
15	Nga Sơn	19.527,5	17.520	89,7	8.942,5	51	6.387,5	36,5	2.190	12,5

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Khối lượng chất thải rắn phát sinh (tấn)	Khối lượng thu gom, xử lý (tấn)	Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Xử lý bằng công nghệ đốt		Xử lý bằng công nghệ chôn lấp		Tái chế	
					Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)
17	Thạch Thành	35.807	27.930	78	3.285	11,8	24.645	88,2	0	0
18	Cẩm Thủy	37.200	24.600	66,1	4.920	20	19.680	80	0	0
19	Ngọc Lặc	139.795	113.588	81,3	0	0	113.588	100	0	0
20	Lang Chánh	12.373,5	9.599,5	77,6	0	0	9.599,5	100	0	0
21	Như Xuân	13.261	11.271	85	3.043	27	8.228	73	0	0
22	Như Thanh	10.814	10.484	96,9	10.064,6	96	419,4	4	0	0
23	Thường Xuân	23.882	22.288,1	93,3	2.228,8	10	5.572	25	14.487,3	65
24	Bá Thước	14.508	9.730	67,1	0	0	9.730	100	0	0
25	Quan Hóa	18.970,7	13.948,1	73,5	0	0	13.948,1	100	0	0
26	Quan Sơn	6.351	4.989,6	78,6	0	0	4.989,6	100	0	0
27	Mường Lát	6.475,1	4.533,3	70	0	0	4.533,3	100	0	0
	Tổng	982.793,9	874.649,4	89	193.665,1	22,1	662.980,1	75,8	18.001,3	2,1

PHỤ LỤC 3
KẾT QUẢ THU GOM, XỬ LÝ CTRSH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số **724** /BC-KTNS ngày **08** tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Khối lượng chất thải rắn phát sinh (tấn)	Khối lượng thu gom, xử lý (tấn)	Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Xử lý bằng công nghệ đốt		Xử lý bằng công nghệ chôn lấp		Tái chế	
					Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)
1	TP Thanh Hóa	75.060	73.183	97,5	0	0	73.183	100	0	0
2	TX Bỉm Sơn	10.860	10.679	98,3	0	0	10.679	100	0	0
3	Thọ Xuân	29.702	29.060	97,8	2.054,2	7,1	27.329,4	94	0	0
4	Đông Sơn	9.318	9.129	98	0	0	9.129,2	100	0	0
5	Nông Cống	18.100	16.652	92	5.762	34,6	10.707,9	64,3	182,2	1,1
6	Triệu Sơn	23.530	22.318	94,8	7.811,1	35	14.506,4	65	0	0
7	Hà Trung	15.132	13.354	88,3	0	0	13.353,8	100	0	0
8	Yên Định	15.827	14.373	90,8	9.381,4	65,3	4.990,4	34,7	0	0
9	Thiệu Hóa	18.819	16.722	88,9	2.595,5	15,5	14.126,1	84,5	0	0
10	Vĩnh Lộc	5.952	5.893	99	4.773,2	81	530,4	9	201	3,4
16	TP Sầm Sơn	27.005	25.250	93,5	0	0	25.250	100	0	0
11	TX Nghi Sơn	42.133	39.268	93,2	36.126,5	92	3.141,4	8	0	0
12	Quảng Xương	22.500	20.567	91,4	13.777	67	5.889,6	28,6	0	0
13	Hoàng Hóa	17.141	16.798	98	5.647,4	33,6	10.039,8	59,8	1.283,1	7,6
14	Hậu Lộc	19.224	16.553	86,1	13.242,1	80	3.310,5	20	0	0
15	Nga Sơn	14.120	12.942	91,7	7.118,3	55	4.529,8	35	1.294,2	10

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Khối lượng chất thải rắn phát sinh (tấn)	Khối lượng thu gom, xử lý (tấn)	Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Xử lý bằng công nghệ đốt		Xử lý bằng công nghệ chôn lấp		Tái chế	
					Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)
17	Thạch Thành	28.313	22.234	78,5	2.668	12	19.566	88	0	0
18	Cẩm Thủy	28.870	20.070	69,5	4.014	20	16.056	80	0	0
19	Ngọc Lặc	8.022	6.586	82,1	0	0	6.585,6	100	0	0
20	Lang Chánh	6.271	4.910	78,3	0	0	4.909,7	100	0	0
21	Như Xuân	7.092	6.123	86,3	1.797	29,3	4.326,2	70,7	0	0
22	Như Thanh	5.815	5.350	92	5.029	94	321	6	0	0
23	Thường Xuân	16.512	11.843	71,7	1.190,8	10,1	4.135,2	34,9	6.516,8	55
24	Bá Thước	29.523	19.902	67,4	0	0	19.901,6	100	0	0
25	Quan Hóa	1.581	1.197	75,7	0	0	1.197,1	100	0	0
26	Quan Sơn	3.139	2.447	78	0	0	2.447,1	100	0	0
27	Mường Lát	2.496	1.126	45,1	0	0	1.126,5	100	0	0
	Tổng	502.056	444.527	88,5	122.987	27,7	311.269	70	9.477	2,1